

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/HS-ST
Ngày: 06-8-2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đức.

Ông Nguyễn Thiện Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2018/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐXXST-HS ngày 23/7/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; giới tính: Nam; sinh ngày: 10/8/1967; nơi cư trú: Ngõ 527, đường L, tổ 27, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn C và con bà Chu Thị G (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1973; có 01 con sinh năm 1989; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 41 ngày 19/8/1988, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo đã chấp hành xong bản án. Bản án hình sự phúc thẩm số 1371, ngày 18/10/1993, Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày 28/6/1992, bị cáo đã chấp hành xong bản án. Bản án số 106/HSST, ngày 24/9/2001, Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2001, bị cáo đã chấp hành xong bản án. Quyết định số

3573/QĐ-UB, ngày 19/12/2003, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình quyết định áp dụng biện pháp đưa người vào cơ sở giáo dục bắt buộc, do có hành vi trộm cắp tài sản. Thời hạn đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là 24 tháng, kể từ ngày 19/12/2003; tiền sự: Không; Tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 929, ngày 22/2/1997, Tòa án nhân dân Tối cao xử 36 tháng tù về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 08/6/1996, bị cáo đã chấp hành xong trách nhiệm hình sự, bị cáo được đình chỉ thi hành án phí và tiền phạt theo quyết định số 09 ngày 07/11/2009 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình. Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2007/HSST, ngày 13/3/2007, Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2006, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, hình phạt bổ sung là 10.000.000đồng chưa thi hành. Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2011/HSST, ngày 09/6/2011, Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2011, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2018, phần hình phạt bổ sung 5.000.000đồng chưa thi hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo bị trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1950; nơi cư trú: Tổ 33, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ngõ 527, đường L, tổ 27, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ngõ 527, đường L, tổ 27, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/3/2018, Nguyễn Văn T thuê xe ôm đi từ nhà đến khu vực Y, phường Q, thành phố T với mục đích mua Hêrôin về để sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp và mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi (T không biết tên, địa chỉ) 5.000.000 đồng được 02 túi Hêrôin (bên ngoài là túi nilon trong suốt có viền màu đỏ, bên trong cả hai túi có chứa cục chất bột màu trắng).

T giấu 02 túi ma túy vừa mua được vào trong túi áo khoác bên trái đang mặc, rồi thuê xe ôm đi về nhà. Do thấy cửa nhà khóa nên T đi bộ ra đường tìm chỗ vắng để sử dụng ma túy. Khi T đi đến khu vực trước cổng công ty nước

khoảng thuộc tổ 01, xã C, thành phố T thì tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Mạnh H, T tự giác lấy từ áo khoác ngoài bên trái T đang mặc giao nộp cho tổ công tác 02 túi nilon trong suốt, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và khai nhận là hêrôin vừa mua được để sử dụng cho bản thân (niêm phong ký hiệu là M). Tổ công tác tiến hành kiểm tra người T còn thu giữ tại túi áo khoác ngoài bên trái T đang mặc được 01 điện thoại di động hiệu Citycall vỏ màu đen đã cũ. Sau đó, tổ công tác yêu cầu T và mời người chứng kiến về trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, thành phố T để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản niêm phong vật chứng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T tại ngõ 527, đường L, tổ 27, phường L, thành phố T. Qua khám xét, thu giữ tại mặt bàn ở góc phòng khách: 01 bình thủy tinh sử dụng ma túy đá tự chế; thu trong ngăn tủ kệ ti vi bên phải trong phòng khách: 01 hộp nhựa màu đỏ, kích thước 21x14x7cm, bên trong có 01 vật dạng hình súng K54 bằng kim loại, không có hộp tiếp đạn, trên thân có số ký hiệu NO 235...908; 01 vật dạng hình súng côn bằng kim loại có ổ xoay tiếp đạn 06 lỗ, không có đạn trong ổ; 01 túi nilon trong suốt mép có viền màu xanh, kích thước 4x5cm, bên trong có 06 vật hình viên đạn đầu màu đen, vỏ màu vàng; 01 túi nilon trong suốt, mép viền màu đỏ, kích thước 9x13cm, bên trong chứa 02 vật hình trụ bằng kim loại màu vàng, dài 6,5cm, đường kính 02cm, nghi đạn súng hoa cải.

Tại bản Kết luận giám định số 77/KLGD-PC54, ngày 05/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu M gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin, có khối lượng 6,3261 gam (sáu phẩy ba nghìn hai trăm sáu mươi một gam).

Tại bản Kết luận giám định số 1222/C54(P3), ngày 12/3/2018 của Viện khoa học hình sự, Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Khẩu súng có số ký hiệu 235...908 gửi giám định là súng ngắn Colt 45, bắn đạn cỡ 11,43x22,5mm, thuộc vũ khí quân dụng;

- Khẩu súng kiểu ổ quay gửi giám định là súng ngắn tự tạo kiểu ổ quay, bắn đạn cỡ 5,6x15,5mm, có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng;

- 08 viên đạn gửi đến giám định, trong đó:

- + 02 viên đạn có chiều dài 6,55cm là đạn ghém cỡ 12, không phải đạn quân dụng.

- + 06 viên đạn dài 25mm là đạn thể thao cỡ 5,6x15,5mm, không phải đạn quân dụng.

Cáo trạng số 114/CT-VKSTP ngày 12/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Nguyễn Văn T về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g, o khoản 2 điều 249 và tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" theo điểm h khoản 2 điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g, o khoản 2 điều 249; điểm h khoản 2 điều 304; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38; điều 50; điều 55 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 06 năm đến 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và từ 06 năm đến 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 12 đến 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo còn lại sau giám định và 01 bình sử dụng ma túy đã tự chế bằng thủy tinh.

+ Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu CITY CALL, vỏ màu đen đã cũ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu, giao cho cơ quan quân sự cấp tỉnh quản lý 02 khẩu súng và 08 viên đạn các loại thu giữ của bị cáo.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và của Điều tra viên; Của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 11 giờ ngày 05/3/2018 tại trụ sở UBND xã C, thành phố T, tỉnh Thái Bình (bút lục số 03-05); biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu (bút lục số 06-07); biên bản khám xét; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (bút lục số 09-11); bản kết luận giám định số 77/KLGD-PC54, ngày 05/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 19); bản kết luận giám định số 1222/C54(P3) ngày 12/3/2018 của Viện khoa học hình sự, tổng cục cảnh sát (bút lục số 20); bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người chứng kiến là ông Phạm Mạnh H, anh Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Xuân M (bút lục 106-19); cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/3/2018, tại khu vực cổng Công ty nước khoáng thuộc địa phận tổ 01, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 6,3261 gam Hêrôin mục đích để sử dụng cho bản thân đã bị Công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Đồng thời, Nguyễn Văn T còn tàng trữ trái phép tại chỗ ở 02 khẩu súng, gồm 01 khẩu súng ngắn Colt 45 có số ký hiệu 235...908, bắn đạn cỡ 11,43x22,5mm, thuộc vũ khí quân dụng và 01 khẩu súng kiểu ổ quay là súng ngắn tự tạo, bắn đạn cỡ 5,6x15,5mm, có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng. Ngoài ra, T còn cất giấu 08 viên đạn các loại, không phải đạn quân dụng. Bị cáo đã 03 lần bị kết án về tội ma túy đều chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g, o khoản 2 điều 249 và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm h khoản 2 điều 304 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 249 Bộ luật Hình sự: Tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. a)...i) ...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a)...g) Heroine, cocaine; Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam,...o) Tái phạm nguy hiểm”. Điều 304 Bộ luật Hình sự: Tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”: “1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ

thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm: a)...h) Tái phạm nguy hiểm...”

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân rất xấu: 03 lần bị kết án đều về tội Trộm cắp tài sản nhưng đã được xóa án tích; 01 lần bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo T khai mua của một người nam giới khoảng 40 tuổi không quen biết ở khu vực Cống Tráng, tổ 38, phường Q, thành phố T nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Số ma túy thu giữ của bị cáo được hoàn lại sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy; đối với các tài sản thu giữ của bị cáo gồm: 01 chiếc bình sử dụng ma túy đá tự chế bằng thủy tinh cần tịch thu để tiêu hủy; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu CITY CALL, vỏ màu đen đã cũ, xét thấy đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; đối với 02 khẩu súng là vũ khí quân dụng và 08 viên đạn các loại cần tịch thu, giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình quản lý theo quy định tại khoản 6 điều 1 Nghị định 70/2013/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính Phủ.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g, o khoản 2 điều 249; điểm h khoản 2 điều 304; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38; điều 50; điều 55; điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106; điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

1. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **07** (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và **05** (năm) tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tổng hợp hình phạt hình phạt chung cho cả hai tội là **12** (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo được hoàn lại sau giám định niêm phong trong phong bì số 77/KLGD-PC54.

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bình sử dụng ma túy đá tự chế bằng thủy tinh thu giữ của bị cáo.

3.3. Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu CITY CALL, vỏ màu đen đã cũ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 16/7/2018).

3.4. Tịch thu, giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình quản lý: 01 khẩu súng ngắn Colt 45 có số ký hiệu 235...908, bắn đạn cỡ 11,43x22,5mm; 01 khẩu súng kiểu ổ quay là súng ngắn tự tạo, bắn đạn cỡ 5,6x15,5mm và 08 viên đạn các loại thu giữ của bị cáo.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/8/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- CQĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHS CATP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái

